

Bản án số: 164 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

**Th ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu – Th ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** không tham gia phiên tòa .

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 500/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Mỹ D**, sinh năm 1995

Địa chỉ: số 52/4, Ấp H, xã H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1991 ( vắng mặt)

Địa chỉ: số 52/4, Ấp H, xã H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI D VỤ ÁN

*Nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hậu Giang và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2014. Sau khi kết hôn chị và anh T đi làm ở tỉnh Long An đến đầu năm 2019 thì vợ chồng về chung sống bên gia đình cha mẹ ruột chị ở xã Lộc Hòa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T có quen người khác chị đã khuyên can cho cơ hội nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, vì vậy vợ chồng không còn tình cảm,

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5/2022, anh T đã ra ngoài thuê nhà trọ ở. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Mai Nhã Tr, sinh ngày 05/8/2014 và Mai Nhã Th, sinh ngày 08/10/2019, khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi hai con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Mai Văn T đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh T không có ở nhà, Tòa án đã thông báo niêm yết theo quy định pháp luật, chị D cho rằng anh T biết Tòa án mời đến để giải quyết vụ kiện, đến ngày làm việc anh T không đến và không gửi bản khai ý gì về việc chị D yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn T chị cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, Thờng cự cãi nhau, anh T có người phụ nữ khác, chị đã khuyên can nhiều lần anh T không thay đổi, anh T đã thuê nhà trọ sống, hiện nay vợ chồng không còn sống chung, vì vậy yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Mai Nhã Tr, sinh ngày 05/8/2014 và Mai Nhã Th, sinh ngày 08/10/2019, chị yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con, vì cháu Mai Nhã Tr đến nay đã 8 tuổi theo nguyện vọng của cháu cha mẹ ly hôn muốn sống chung với mẹ. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Mai Văn T vắng mặt phiên tòa lần 2.

Tại bản ghi ý kiến cháu Mai Nhã Tr cha mẹ ly hôn con ở với mẹ là Nguyễn Mỹ D.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** *Về tố tụng:*

**[1.1]** Chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn T, anh T còn đăng ký hộ khẩu tại ấp Long Hòa, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập thông báo niêm yết công khai hợp lệ lần hai anh Mai Văn T đến Tòa án xét xử, đến ngày xét xử lần 2 anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Mai Văn T.

**[2] Về nội D:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn T cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2014, nên đây hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị D khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T không chung thủy, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, chị đã khuyên can nhiều lần anh T không sửa đổi, anh T đã ra ngoài sống, khi chị yêu cầu ly hôn anh T đều biết, nhưng không đến Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng phải yêu Thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình cảm giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, hôn nhân không đạt được, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Mỹ D được ly hôn với anh Mai Văn T là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Mai Nhã Tr, sinh ngày 05/8/2014 và Mai Nhã Th, sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay 02 con chị D đang nuôi dưỡng, cháu Nhã Tr có bản ghi nguyện vọng cha mẹ ly hôn con muốn sống với mẹ. Anh T không đến Tòa án và không có bản khai ý kiến gì về việc chị D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Xét 02 cháu đang sống ổn định với chị D. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu 02 cháu Mai Nhã Tr và Mai Nhã Th cho chị Nguyễn Mỹ D chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Anh Mai Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này, quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Mỹ D được ly hôn với anh Mai Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 cháu tên Mai Nhã Tr, sinh ngày 05/8/2014 và Mai Nhã Th, sinh ngày 08/10/2019 cho chị Nguyễn Mỹ D chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Anh Mai Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Mỹ D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004297 ngày 03/10/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị D không phải nộp thêm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự ;
- Lưu HSVA

**Võ Thị Hồng Điệp**



